

Số: 119/QĐ-BQL

Tây Ninh, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2023.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA NÚI BÀ ĐEN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông báo số 219/TB-STC ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Sở Tài chính về thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen:

- Biểu số liệu công khai theo mẫu biểu số 04 của TT số 90/2018/TT-BTC (đính kèm).

- Báo cáo công khai thuyết minh quyết toán thu chi NSNN năm 2023 (đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng, Kế toán và các Phòng liên quan thuộc Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Đơn vị sử dụng NS;
- Lưu: VT.



Trần Thái Nam

**BÁO CÁO CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
Năm 2023**

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu, phí, lệ phí:

- Tổng thu:	38.909.600.000 đồng
- Số nộp ngân sách 80%:	31.127.680.000 đồng
- Số được giữ lại 20%:	7.781.920.000 đồng

Trong đó:

+ Số đã sử dụng:	7.669.878.619 đồng
+ Số chuyển năm sau sử dụng:	112.041.381 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách nhà nước:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng.
---	---------

Trong đó:

+ Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng.
---	---------

+ Điều chỉnh giảm trong năm:	0 đồng.
------------------------------	---------

- Dự toán được giao trong năm:	10.438.500.000 đồng.
--------------------------------	----------------------

Trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm:	14.675.000.000 đồng.
-------------------------	----------------------

+ Dự toán bổ sung trong năm:	908.500.000 đồng.
------------------------------	-------------------

+ Điều chỉnh giảm trong năm:	5.145.000.000 đồng.
------------------------------	---------------------

- Kinh phí được sử dụng trong năm:	10.438.500.000 đồng.
------------------------------------	----------------------

- Kinh phí quyết toán:	8.837.992.071 đồng.
------------------------	---------------------

- Kinh phí hủy cuối năm:	1.600.507.929 đồng.
--------------------------	---------------------

2. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen được giao tự chủ và phân loại là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025 tại Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định tự chủ, đơn vị tự bảo đảm quỹ lương và kinh phí chi hoạt động thường xuyên cho 22 biên chế và 04 chỉ tiêu HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Ngoài ra, đơn vị còn đảm bảo kinh phí để chi lương và hoạt động thường xuyên cho 10 hợp đồng bảo vệ rừng chuyên trách; kinh phí bảo vệ và phòng chống cháy rừng từ nguồn trích 25% nguồn thu dịch vụ môi trường

rừng để thay thế phần ngân sách cấp cho các hạng mục công trình lâm sinh (theo điều số 14 Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 – 2020).

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Nguồn thu DVMT Rừng: 12.387.553.770 đồng.

+ Chi phí DVMT Rừng: 5.622.427.449 đồng.

Trong đó:

+ Chi lương biên chế và chi thường xuyên: 3.187.217.989 đồng.

+ Chi phí DVMT Rừng: 2.435.209.460 đồng.

- Nộp thuế TNDN 20%: 1.353.025.264 đồng.

- Kết quả thu lớn hơn chi trong năm: 5.412.101.057 đồng.

Trong đó:

+ Trích 40% CCTL: 2.164.840.423 đồng.

+ Trích lập các quỹ: 3.247.260.634 đồng.

2. Thu khác (Thu tiền lãi ngân hàng) 5.408.246 đồng.

+ Chi phí hoạt động khác: 5.408.246 đồng.

* Tình hình thực hiện nguồn cải cách tiền lương và trích lập các quỹ:

Đvt: đồng

STT	Tên nguồn	Tồn cuối kỳ 2022	Năm 2023		
			Thu, bổ sung trong năm	Đã sử dụng trong kỳ	Số dư cuối kỳ
	Tổng cộng:	6.289.377.493	5.412.104.507	1.555.133.058	10.146.348.942
1	Nguồn CCTL (KP từ nguồn thu sự nghiệp)	3.947.939.114	2.164.840.423	102.914.750	6.009.864.787
2	Trích lập các quỹ	2.341.438.379	3.247.264.084	1.452.218.308	4.136.484.155
2.1	Quỹ phúc lợi	171.933.699	325.548.926	427.489.200	69.993.425
2.2	Quỹ bổ sung thu nhập	952.384.929	2.109.900.000	943.700.000	2.118.584.929
2.3	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.217.119.751	811.815.158	81.029.108	1.947.905.801

* Thuyết minh khác: Không

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ: Không

Tây Ninh, ngày 19 tháng 8 năm 2024

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thuy

Hồ Ngân Thuy



Đơn vị: BQL Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen
Chương: 599**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-BQL ngày 19/8/2024 của BQL Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
I	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8,837,992,071	8,837,992,071	0	
1	Chi bảo đảm xã hội	38,500,000	38,500,000	0	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	38,500,000	38,500,000	0	
2	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	8,088,733,671	8,088,733,671	0	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8,088,733,671	8,088,733,671	0	
3	Chi quản lý nhà nước	710,758,400	710,758,400	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	710,758,400	710,758,400	0	
II	Thu phí tham quan			0	
1	Tổng thu	38,909,600,000	38,909,600,000	0	
2	Phải nộp ngân sách (80%)	31,127,680,000	31,127,680,000	0	
3	Số được khấu trừ, để lại (20%)	7,781,920,000	7,781,920,000	0	